TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 7- 2023
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V,TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thành Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

1, Ông Hoàng Trọng Nghĩa;

2, Bà Trần Thanh Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Thảo - Thư ký Toà án nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương- Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 7 năm 2023 Toà án nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2023 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2023; Thông báo mở lại phiên tòa số: 73/2023/TB-TA ngày 07 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn*:* Anh Vũ Đức L, sinh năm 1993; Địa chỉ: Tổ 9, TTNT TP, huyện V, tỉnh Yên Bái; " Vắng mặt - có đơn xin vắng mặt".

- Bị đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1993; Địa chỉ: Tổ 9, TTNT TP, huyện V, tỉnh Yên Bái; " Vắng mặt - không có lý do".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Anh Vũ Đức L trong đơn khởi kiện và bản tự khai trình bày: Anh L và Chị Phạm Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 02/4/2021 tại Ủy ban nhân dân TTNT TP, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại Tổ 9, TTNT TP, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến ngày 10/3/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn được gia đình hai bên hoà giải nhưng không thành. Anh L và chị H sống ly thân từ 10/3/2021 đến nay. Anh L xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh L ly hôn chị H.

- Về con chung: Anh L và chị H không có con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị Phạm Thị H không có mặt để giải quyết vụ án.

Tại biên bản xác minh ngày 25/5/2023 tổ trưởng cho biết: Anh L và chị H có đăng ký kết hôn năm 2021 tại UBND TTNT TP, huyện V. Sau khi kết hôn thì vợ chồng anh L, chị H chung sống với nhau một thời gian ngắn tại Tổ 9, TTNT TP, huyện V, sau đó anh L và chị H thường xuyên đi làm ăn xa. Sau đó chị H ốm đau và trở về địa phương để chữa bệnh nhưng anh L không quan tâm gì tới chị H. Từ đó vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, không quan tâm đến nhau nữa. Anh L và chị H không có con chung.

Tại biên bản xác minh ngày 25/5/2023 Trưởng công an TTNT TP cho biết: Chị Phạm Thị H có hộ khẩu thường trú tại Tổ 9, TTNT TP, huyện V.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn được Tòa án tống đạt các văn bản và triệu tập công khai chứng cứ hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do đã vi phạm Điều 70,72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung vụ án: Anh Vũ Đức L và chị Phạm Thị H tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 02/4/2021 tại UBND TTNT TP, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại Tổ 9, TTNT TP, huyện V, tỉnh Yên Bái. Trong quá trình chung sống anh L và chị H phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn được gia đình hai bên hoà giải nhưng không thành. Anh L và chị H sống ly thân từ tháng 5 năm 2021 cho đến này. Anh L xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh L ly hôn chị H.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của Anh Vũ Đức L với chị Phạm Thị H.

+ Về con chung: Anh Vũ Đức L và chị Phạm Thị H không có con chung.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Anh Vũ Đức L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Vũ Đức L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Phạm Thị H có đăng ký hộ khẩu tại Tổ 9, TTNT TP, huyện V, tỉnh Yên Bái, vụ án do Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng tại phiên tòa chị Phạm Thị H vẫn vắng mặt không có lý do. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn do đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do thể hiện thái độ cố tình trốn tránh nghĩa vụ đối với nguyên đơn. Anh Vũ Đức L vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh L và chị H.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Đức L và chị Phạm Thị H kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND TTNT TP, huyện V. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống anh L và chị H phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2021 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn giữa anh L và chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy yêu cầu xin ly hôn của anh L phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Anh Vũ Đức L và chị Phạm Thị H không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản và nợ chung: Anh Vũ Đức L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo : Anh Vũ Đức L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Anh Vũ Đức L được ly hôn chị Phạm Thị H.

2. Về án phí: Anh Vũ Đức L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0003645 ngày 04/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Yên Bái, anh L đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Anh Vũ Đức L và chị Phạm Thị H được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết Bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự,người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND TTNT TP;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, TA, HSVA.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thành Long

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thành Long